

TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **3091** /TXNK-CST

Hà Nội, ngày **22** tháng 4 năm 2022

V/v áp dụng thuế phòng vệ thương mại

Kính gửi: Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Ngày 21/4/2022, Cục Thuế xuất nhập khẩu nhận được Quyết định số 706/QĐ-BCT ngày 15/4/2022 của Bộ Công Thương về việc áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm vật liệu hàn có xuất xứ từ Ma – lai – xi – a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có hiệu lực thi hành từ ngày 22/4/2022, thời hạn áp dụng là 120 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành.

Qua rà soát đối tượng bị áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời theo quy định tại mục 1 Thông báo ban hành kèm theo Quyết định số 706/QĐ-BCT thì trường hợp sản phẩm dây hàn thép đặc không lõi thuốc được phân loại theo mã HS 7217.10.10 và 7229.90.99 thuộc đối tượng áp dụng thuế CBPG tạm thời.

Đồng thời sản phẩm thép cuộn, thép dây được phân loại theo mã HS 7217.10.10 và 7229.90.99 nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước/vùng lãnh thổ khác nhau thuộc đối tượng bị áp dụng thuế chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại theo Quyết định số 920/QĐ-BCT ngày 20/3/2020 (thời hạn áp dụng từ 22/3/2020 đến 22/3/2023).

Để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Bộ Công Thương tại 02 quyết định nêu trên, đề nghị Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố:

- Căn cứ căn cứ đối tượng hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời (tên gọi và mô tả hàng hóa), mức thuế suất thuế chống bán phá giá tạm thời quy định tại Thông báo ban hành kèm theo Quyết định số 706/QĐ-BCT của Bộ Công Thương và đối tượng hàng hóa bị áp dụng thuế chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, mức thuế suất thuế chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại quy định tại Thông báo ban hành kèm theo Quyết định số 920/QĐ-BCT của Bộ Công Thương để hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng chính sách thuế.

- Đối với thuế chống bán phá giá tạm thời quy định tại Quyết định số 706/QĐ-BCT của Bộ Công Thương: Hướng dẫn doanh nghiệp căn cứ bảng mã thuế suất thuế chống bán phá giá đã đăng trên website: <https://tongcuc.customs.gov.vn/> để khai báo mã chịu thuế và mức thuế suất tương ứng trên tờ khai hải quan.

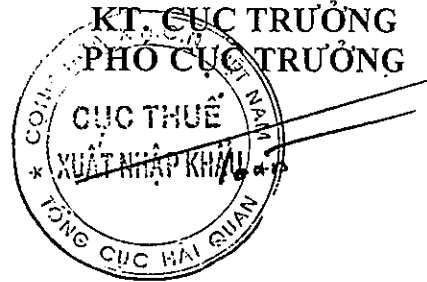
HẢI QUAN TỐC

Cục Thuế xuất nhập khẩu đính kèm bản foto Quyết định số 706/QĐ-BCT, Quyết định số 920/QĐ-BCT nêu trên để các Cục Hải quan tỉnh thành phố biết và thực hiện. *VT*

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CST (03). *VT*



Trần Bằng Toàn

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 706 /QĐ-BCT

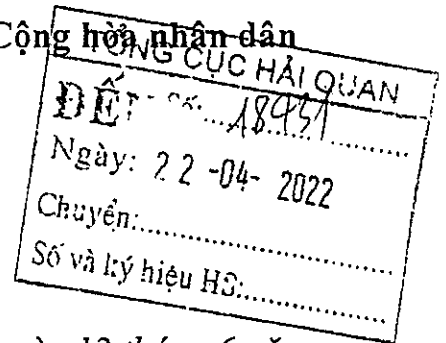
Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm vật liệu hàn có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân

Trung Hoa

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG



Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 3752/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-BCT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm vật liệu hàn có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Vương quốc Thái Lan và Ma-lai-xi-a;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-BCT ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc gia hạn thời hạn điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm vật liệu hàn có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

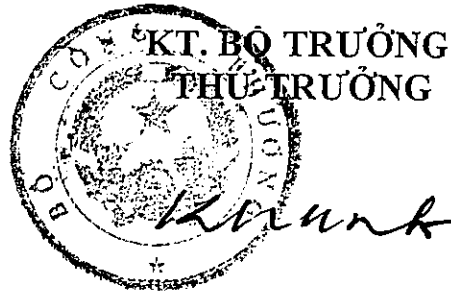
Điều 1. Áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm vật liệu hàn được phân loại theo các mã HS 7217.10.10, 7217.30.19, 7229.20.00, 7229.90.20, 7229.90.99, 8311.10.10, 8311.10.90, 8311.30.91, 8311.30.99 và 8311.90.00 có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (mã vụ việc: AD15). Nội dung chi tiết được nêu tại Thông báo kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày tính từ ngày được ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NG, TTTT;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Các website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Tổng cục Hải quan (Cục TXNK, Cục GSQL);
- Các Cục: CN, XNK;
- Các Vụ: AP, ĐB, PC;
- Văn phòng BCĐLN HNQT về kinh tế;
- Lưu: VT, PVTM (08).



Trần Quốc Khánh

THÔNG BÁO

Áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm vật liệu hàn có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 706 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời

Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá (CBPG) tạm thời bao gồm que hàn inox 308 có bọc thuốc và dây hàn thép đặc không lõi thuốc, có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan (Thái Lan) và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc).

1.1. Que hàn inox 308 có bọc thuốc**a) Tên gọi và đặc tính cơ bản**

Tên hàng hóa: Que hàn inox 308 có bọc thuốc.

Que hàn inox 308 có bọc thuốc có các đặc tính cơ bản như sau:

- Que hàn có lõi là thép inox 308;
- Đường kính lõi thép của que hàn từ 2,0 mm đến 4,0 mm với dung sai là +/- 0,2 mm;
- Que hàn được phủ thuốc bọc.

b) Mã số hàng hóa (Mã HS) và mức thuế nhập khẩu hiện hành

Que hàn inox 308 có bọc thuốc bị áp dụng thuế CBPG tạm thời được phân loại theo mã HS sau: 8311.10.90, 8311.30.99, 8311.90.00.

Mã số	Mô tả hàng hoá	Thuế ưu đãi	ATIGA	ACFTA
Chương 83	Hàng tạp hóa làm từ kim loại cơ bản			
8311	Dây, que, ống, tấm, điện cực và các sản phẩm tương tự, bằng kim loại cơ bản hoặc carbide kim loại, được bọc, phủ			

Mã số	Mô tả hàng hoá	Thuế ưu đãi	ATIGA	ACFTA
	hoặc có lõi bằng chất trợ dung, loại dùng để hàn xì, hàn hơi, hàn điện hoặc bằng cách ngưng tụ kim loại hoặc carbide kim loại; dây và que, từ			
<u>8311.10</u>	- Điện cực bằng kim loại cơ bản, đã được phủ chất trợ dung, để hàn hồ quang điện:			
<u>8311.10.90</u>	-- Loại khác	25%	0%	0%
<u>8311.30</u>	- Que hàn được phủ, bọc và dây hàn có lõi, bằng kim loại cơ bản, dùng để hàn chảy, hàn hơi hoặc hàn bằng ngọn lửa:			
	-- Loại khác:			
<u>8311.30.99</u>	--- Loại khác	15%	0%	0%
<u>8311.90.00</u>	- Loại khác	25%	0%	0%

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hoá bị áp dụng thuế CBPG tạm thời để phù hợp với mô tả hàng hoá bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

c) Hàng hóa được loại trừ áp dụng biện pháp CBPG tạm thời

Hàng hóa thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế CBPG tạm thời đối với que hàn inox 308 có bọc thuốc:

- Que hàn có lõi không phải thép inox 308;
- Lõi thép inox 308 có đường kính lớn hơn 4,2 mm hoặc nhỏ hơn 1,8 mm;
- Que hàn không được phủ thuốc bọc.

1.2. Dây hàn thép đặc không lõi thuốc

a) Tên gọi

Tên hàng hóa: Dây hàn thép đặc không lõi thuốc.

Dây hàn thép đặc không lõi thuốc có các đặc tính cơ bản như sau:

- Dây hàn có lõi là thép (không bao gồm thép inox);
- Đường kính lõi thép của dây hàn nhỏ hơn hoặc bằng 5,0 mm;
- Dây hàn được mạ đồng hoặc không mạ;

- Lõi thép của dây hàn chứa các nguyên tố có hàm lượng phần trăm (%) theo khối lượng thuộc phạm vi sau: Các-bon (C) từ 0,04% đến 0,2%, Phốt pho (P) nhỏ hơn hoặc bằng 0,03%, Lưu huỳnh (S) nhỏ hơn hoặc bằng 0,035%.

b) Mã số hàng hóa (Mã HS) và mức thuế nhập khẩu hiện hành

Dây hàn thép đặc không lõi thuộc bị áp dụng thuế CBPG tạm thời được phân loại theo mã HS sau: 7217.10.10, 7217.30.19, 7229.20.00, 7229.90.20, 7229.90.99, 8311.10.10, 8311.10.90, 8311.30.91, 8311.30.99, 8311.90.00.

Mã số	Mô tả hàng hoá	Thuế ưu đãi	ATIGA	ACFTA
Chương 72	Sắt và thép			
<u>7217</u>	Dây của sắt hoặc thép không hợp kim.			
<u>7217.10</u>	- Không được mạ hoặc tráng, đã hoặc chưa được đánh bóng:			
<u>7217.10.10</u> ¹	-- Có hàm lượng carbon dưới 0,25% tính theo trọng lượng	15%	0%	0%
<u>7217.30</u>	- Được mạ hoặc tráng kim loại cơ bản khác:			
-	-- Có hàm lượng carbon dưới 0,25% tính theo trọng lượng:			
<u>7217.30.19</u>	--- Loại khác	15%	0%	0%
<u>7229</u>	Dây thép hợp kim khác.			
<u>7229.20.00</u>	- Bằng thép silic-mangan	0%	0%	0%
<u>7229.90</u>	- Loại khác:			
<u>7229.90.20</u>	-- Mặt cắt ngang không quá 5,5 mm	0%	0%	0%
	-- Loại khác:			
<u>7229.90.99</u> ²	--- Loại khác	0%	0%	0%
Chương 83	Hàng tạp hóa làm từ kim loại cơ bản			
<u>8311</u>	Dây, que, ống, tấm, điện cực và các sản phẩm tương tự, bằng kim loại cơ bản hoặc carbide kim loại, được bọc, phủ hoặc có lõi bằng chất trợ dung, loại dùng để hàn xì, hàn hơi, hàn điện hoặc bằng cách ngưng tụ kim loại hoặc carbide kim loại; dây và que, từ			

¹ Sản phẩm có mã HS trên đang bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm thép cuộn, thép dây

² Sản phẩm có mã HS trên đang bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm thép cuộn, thép dây

Mã số	Mô tả hàng hoá	Thuế ưu đãi	ATIGA	ACFTA
<u>8311.10</u>	- Điện cực bằng kim loại cơ bản, đã được phủ chất trợ dung, để hàn hồ quang điện:			
<u>8311.10.10</u>	- - Dạng cuộn	25%	0%	0%
<u>8311.10.90</u>	- - Loại khác	25%	0%	0%
<u>8311.30</u>	- Que hàn được phủ, bọc và dây hàn có lõi, bằng kim loại cơ bản, dùng để hàn chảy, hàn hơi hoặc hàn bằng ngọn lửa:			
	- - Loại khác:			
<u>8311.30.91</u>	- - - Dạng cuộn	15%	0%	0%
<u>8311.30.99</u>	- - - Loại khác	15%	0%	0%
<u>8311.90.00</u>	- Loại khác	25%	0%	0%

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hoá bị áp dụng thuế CBPG tạm thời để phù hợp với mô tả hàng hoá bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

c) Hàng hóa được loại trừ áp dụng biện pháp CBPG tạm thời

Hàng hóa thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế CBPG tạm thời đối với dây hàn thép đặc không lõi thuốc:

- Dây hàn có lõi là thép inox hoặc kim loại cơ bản khác không phải là thép;
- Đường kính lõi thép của dây hàn lớn hơn 5,0 mm;
- Lõi thép của dây hàn chứa một trong các nguyên tố có hàm lượng phần trăm (%) theo khối lượng thuộc phạm vi sau: Các-bon (C) lớn hơn 0,2% hoặc Phốt pho (P) lớn hơn 0,03% hoặc Lưu huỳnh (S) lớn hơn 0,035%;
- Dây hàn có lõi thuốc hoặc dây hàn có lõi là chất trợ dung;
- Dây hàn được mạ bằng kim loại cơ bản khác không phải đồng;
- Dây hàn dạng thanh, que có chiều dài nhỏ hơn hoặc bằng 500 mm.

2. Mức thuế CBPG tạm thời

2.1. Đối với que hàn inox 308 có bọc thuốc

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Mức thuế CBPG tạm thời
	(Cột 1)	(Cột 2)
MA-LAI-XI-A		
1	Kiswel Sdn. Bhd	Không áp dụng do thỏa mãn điều kiện tại khoản 2 Điều 78 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14
2	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a	12,78%
THÁI LAN		
3	Thai Hansa Welding Electrodes Co., Ltd	36,11%
4	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Thái Lan	36,11%
TRUNG QUỐC		
5	Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Trung Quốc	11,43%

2.2. Đối với dây hàn thép đặc không lõi thuốc

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Mức thuế CBPG tạm thời
	(Cột 1)	(Cột 2)
MA-LAI-XI-A		
1	Kiswel Sdn. Bhd	15,30%
2	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a	34,37%
THÁI LAN		
3	Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Thái Lan	Không áp dụng do thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14
TRUNG QUỐC		
4	Lincoln Electric (Tangshan) Welding Materials Co., Ltd	22,77%
5	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Trung Quốc	36,56%

3. Hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế CBPG tạm thời

a) Hiệu lực

Thuế CBPG tạm thời có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày Quyết định áp dụng thuế CBPG tạm thời được ban hành.

b) Thời hạn áp dụng

Thuế CBPG tạm thời có thời hạn áp dụng là 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày có hiệu lực (*trừ trường hợp được gia hạn, thay đổi, hủy bỏ theo quy định pháp luật*).

c) Áp dụng thuế CBPG có hiệu lực trở về trước

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 81 Luật Quản lý ngoại thương, trong trường hợp kết luận cuối cùng của Cơ quan điều tra xác định có thiệt hại đáng kể hoặc có đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, Bộ trưởng Bộ Công Thương có thể quyết định áp dụng thuế CBPG có hiệu lực trở về trước.

- Thuế CBPG được áp dụng có hiệu lực trở về trước đối với hàng hóa nhập khẩu trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày trước khi áp dụng thuế CBPG tạm thời nếu hàng hóa nhập khẩu được xác định bị bán phá giá; khối lượng hoặc số lượng hàng hóa bị bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam tăng nhanh đột biến trong giai đoạn từ khi tiến hành điều tra đến khi áp dụng thuế CBPG tạm thời và gây ra thiệt hại khó có khả năng khắc phục cho ngành sản xuất trong nước.

4. Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng thuế CBPG tạm thời

4.1. Quy định chung

Để có cơ sở xác định xuất xứ của hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế CBPG, Cơ quan Hải quan sẽ thực hiện kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa gồm:

a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O); hoặc

b) Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phù hợp với quy định tại:

- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;

- Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực;

- Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu;

- Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len; và

- Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN.

Nội dung kiểm tra cụ thể như sau:

4.2. Đối với que hàn inox 308 có bọc thuốc

Bước 1: Kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

- Trường hợp 1: Nếu người khai hải quan không nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thì áp dụng mức thuế CBPG tạm thời là 36,11%.

- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ nước, vùng lãnh thổ khác không phải là Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Trung Quốc thì không phải nộp thuế CBPG tạm thời.

- Trường hợp 3: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Trung Quốc thì chuyển sang Bước 2.

Bước 2: Kiểm tra Giấy chứng nhận chất lượng (bản gốc) của nhà sản xuất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận nhà sản xuất)

- Trường hợp 1: Nếu: (i) người khai hải quan không nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất hoặc (ii) nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất nhưng tên nhà sản xuất trên Giấy chứng nhận không trùng với tên nhà sản xuất nêu tại Cột 1 Mục 2.1 của Thông báo này thì nộp thuế CPBG tạm thời ở mức như sau:

+ 12,78% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Ma-lai-xi-a;

+ 36,11% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Thái Lan; và

+ 11,43% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc.

- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất và tên nhà sản xuất trên Giấy chứng nhận trùng với tên của nhà sản xuất nêu tại Cột 1 Mục 2.1 của Thông báo này thì chuyển sang Bước 3.

Bước 3: Kiểm tra tên nhà xuất khẩu

- Trường hợp 1: Nếu tên nhà xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) trùng với tên nhà sản xuất nêu tại Cột 1 thì nộp mức thuế tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 Mục 2.1 của Thông báo này.

- Trường hợp 2: Nếu tên nhà xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) không trùng với tên nhà sản xuất tại Cột 1 Mục 2.1 thì nộp thuế CPBG tạm thời ở mức như sau:

- + 12,78% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Ma-lai-xi-a;
- + 36,11% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Thái Lan; và
- + 11,43% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc.

4.3. Đối với dây hàn thép đặc không lõi thuốc

Bước 1: Kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

- Trường hợp 1: Nếu người khai hải quan không nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thì áp dụng mức thuế CBPG tạm thời là 36,56%.

- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ nước, vùng lãnh thổ khác không phải là Ma-lai-xi-a và Trung Quốc thì không phải nộp thuế CBPG tạm thời.

- Trường hợp 3: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ Ma-lai-xi-a và Trung Quốc thì chuyển sang Bước 2.

Bước 2: Kiểm tra Giấy chứng nhận chất lượng (bản gốc) của nhà sản xuất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận nhà sản xuất)

- Trường hợp 1: Nếu: (i) người khai hải quan không nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất hoặc (ii) nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất nhưng tên nhà sản xuất trên Giấy chứng nhận không trùng với tên nhà sản xuất nêu tại Cột 1 Mục 2.2 của Thông báo này thì nộp thuế CPBG tạm thời ở mức như sau:

+ 34,37% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Ma-lai-xi-a; và

+ 36,56% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc.

- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất và tên nhà sản xuất trên Giấy chứng nhận trùng với tên của nhà sản xuất nêu tại Cột 1 Mục 2.2 của Thông báo này thì chuyển sang Bước 3.

Bước 3: Kiểm tra tên nhà xuất khẩu

- Trường hợp 1: Nếu tên nhà xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) trùng với tên nhà sản xuất nêu tại Cột 1 thì nộp mức thuế tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 Mục 2.2 của Thông báo này.

- Trường hợp 2: Nếu tên nhà xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) không trùng với tên nhà sản xuất tại Cột 1 Mục 2.2 thì nộp thuế CPBG tạm thời ở mức như sau:

+ 34,37% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Ma-lai-xi-a;
và

+ 36,56% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc.

5. Trình tự thủ tục tiếp theo của vụ việc

Sau khi Bộ Công Thương ban hành Quyết định áp dụng thuế CBPG tạm thời, Cơ quan điều tra sẽ tiến hành các bước triển khai tiếp theo, cụ thể như sau:

- Thẩm tra nội dung bản trả lời câu hỏi điều tra;
- Tổ chức Phiên Tham vấn công khai;
- Gửi dự thảo kết luận điều tra cuối cùng cho bên liên quan để lấy ý kiến;
- Ban hành Kết luận điều tra cuối cùng.

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH

**Gia hạn áp dụng biện pháp
chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-BCT ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 918/QĐ-BCT ngày 20 tháng 03 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với các sản phẩm thép cuộn, thép dây có mã HS: 7213.91.90, 7217.10.10,



7217.10.29, 7229.90.99, 9839.10.00 nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước/vùng lãnh thổ khác nhau với nội dung chi tiết nêu trong Thông báo gửi kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trình tự thủ tục áp dụng biện pháp được thực hiện theo pháp luật về phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2020.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Tổng cục Hải quan;
- Các Thứ trưởng;
- Website Bộ Công Thương;
- Các Vụ: ĐB, PC, KH;
- Cục: XNK; CN;
- Văn phòng BCĐLN HNQT về Kinh tế;
- Lưu: VT, PVTM (04).

BỘ TRƯỞNG



Trần Tuấn Anh

THÔNG BÁO

**V/v gia hạn áp dụng biện pháp
chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại**
(Kèm theo Quyết định số 920 /QĐ-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Theo quy định của Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017 ("Luật Quản lý ngoại thương"); Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại ("Nghị định 10/2018/NĐ-CP"); và Thông tư số 37/2019/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 29 tháng 11 năm 2019 quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại ("Thông tư 37/2019/TT-BCT"), Bộ Công Thương thông báo nội dung chi tiết về việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với các sản phẩm thép cuộn/thép dây có mã HS: 7213.91.90, 7217.10.10, 7217.10.29, 7229.90.99, 9839.10.00 nhập khẩu vào Việt Nam (mã số vụ việc AC01.SG04) như sau:

1. Hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

Hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại là các sản phẩm thép cuộn, thép dây có mã HS: 7213.91.90, 7217.10.10, 7217.10.29, 7229.90.99, 9839.10.00 nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước/vùng lãnh thổ khác nhau. Các sản phẩm thép cuộn, thép dây có một trong các đặc điểm sau đây được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại:

(i) Thép chứa một trong các nguyên tố có hàm lượng phần trăm (%) theo khối lượng thuộc phạm vi sau: Các-bon (C) > 0,37%; Si-líc (Si) > 0,60%; Crôm (Cr) > 0,60%; Ni-ken (Ni) > 0,60%; Đồng (Cu) > 0,60%.



(ii) Thép chứa đồng thời các nguyên tố có hàm lượng phần trăm (%) theo khối lượng thuộc phạm vi sau: Măng-gan (Mn) từ 0,70% đến 1,15%; Lưu huỳnh (S) từ 0,24% đến 0,35%.

(iii) Thép có mặt cắt ngang hình tròn từ 14mm trở lên.

(iv) Các sản phẩm thép trong nước chưa sản xuất được để sử dụng trong ngành công nghiệp hỗ trợ và cơ khí chế tạo.

Đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm thép thuộc mục (i), mục (ii), và mục (iii): để được loại trừ áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, khi nhập khẩu hàng hoá cần cung cấp cho Cơ quan Hải quan các giấy tờ phù hợp để chứng minh hàng hoá nhập khẩu thoả mãn các tiêu chí được loại trừ áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại như trên.

Đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm thép thuộc mục (iv): để được loại trừ áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, khi nhập khẩu hàng hoá cần cung cấp cho Cơ quan Hải quan Quyết định miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại do Bộ Công Thương ban hành. Quy trình, thủ tục miễn trừ thực hiện theo Nghị định 10/2018/NĐ-CP và Thông tư 37/2019/TT-BCT. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm thép thuộc mục (iv) tham khảo Quy trình thực hiện miễn trừ tại Điều 3 Thông báo này.

2. Mức thuế chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

Hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại theo quy định tại Điều 1 của Thông báo này sẽ bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại dưới dạng thuế nhập khẩu bổ sung với mức thuế cụ thể như sau:

Thời gian có hiệu lực	Mức thuế
Từ ngày 22/3/2020 đến ngày 21/3/2021	9,4%
Từ ngày 22/3/2021 đến ngày 21/3/2022	7,9%
Từ ngày 22/3/2022 đến ngày 21/3/2023	6,4%
Từ ngày 22/3/2023 trở đi	0% (nếu không gia hạn)

3. Miễn trừ áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

Trong trường hợp các tổ chức, cá nhân nhập khẩu thép cuộn và thép dây cho rằng sản phẩm nhập khẩu của mình đáp ứng quy định về phạm vi miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại tại mục (iv) Điều 1 Thông báo này và tại Điều 10 Thông tư 37/2019/TT-BCT, tổ chức, cá nhân nhập khẩu có quyền nộp hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tới Cục Phòng vệ thương mại - Bộ Công Thương. Thủ tục nộp hồ sơ đề nghị miễn trừ căn cứ Thông tư 37/2019/TT-BCT.

